

Đánh giá hiệu quả của ngành sữa Việt Nam từ phân tích chuỗi giá trị

NGUYỄN VIỆT KHÔI
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

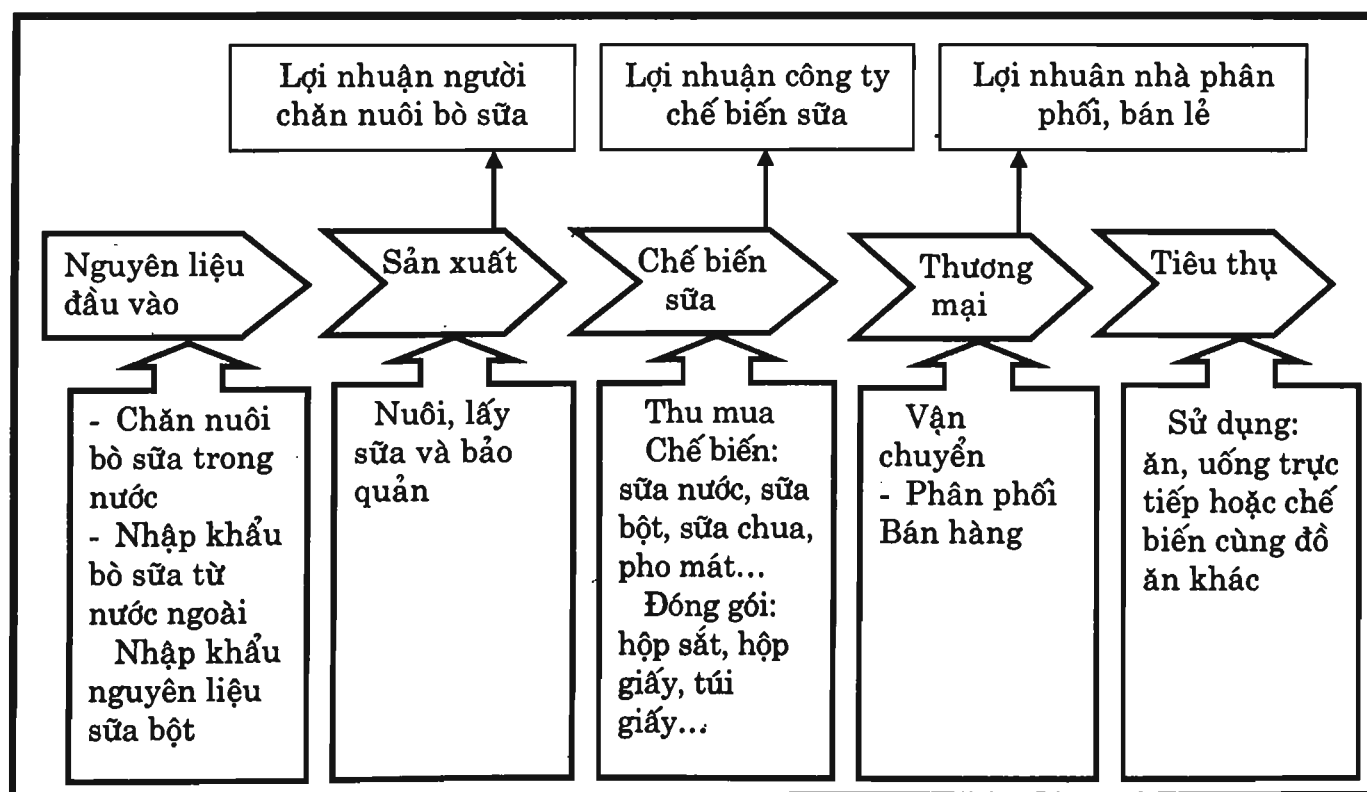
Trong vài năm trở lại đây, sữa là một trong những mặt hàng có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong ngành thực phẩm đóng gói ở Việt Nam. Tuy nhiên, giá trị thặng dư gia tăng trong các khâu của chuỗi giá trị của ngành sữa Việt Nam lại có sự phân bổ không đều. Ở khâu sản xuất, người chăn nuôi bò sữa có mức sinh lợi thấp do mức giá thức ăn cho bò sữa là quá lớn, còn ở khâu chế biến do các công ty quản lý lại có mức sinh lợi khá cao do người tiêu dùng ít có sự lựa chọn. Điều này gây ra sự phát triển thiếu bền vững trong chuỗi giá trị ngành sữa. Bài viết này sẽ phân tích chuỗi giá trị trong ngành sữa tại thị trường Việt Nam để từ đó đánh giá đúng vai trò của từng khâu và đưa ra các giải pháp nhằm phát triển ngành sữa Việt Nam bền vững hơn.

1. Các khâu chính của chuỗi

Chuỗi giá trị ngành sữa Việt Nam bao gồm 5 khâu chính là: nguyên liệu đầu vào, sản xuất, chế biến, phân phối và tiêu thụ. Trong

các khâu đó, hai khâu quan trọng nhất là sản xuất và chế biến. Chúng ta sẽ phân tích cụ thể để nhận diện những bất cập trong việc tạo ra giá trị gia tăng ở 2 khâu này.

HÌNH 1. Chuỗi giá trị ngành sữa Việt Nam



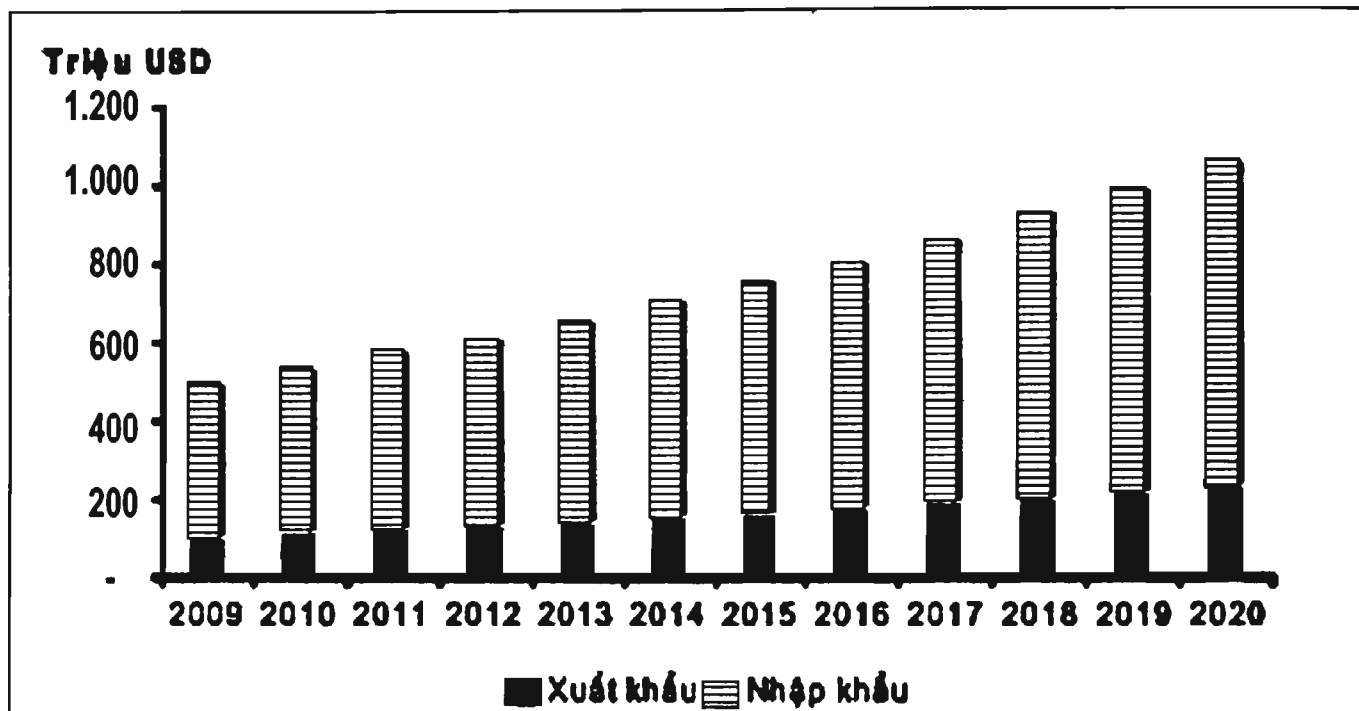
Nguồn: Mô phỏng của nhóm tác giả.

Nguyễn Việt Khôi, TS.; Nguyễn Thị Thanh Hương, Trường đại học Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội.

Khâu 1: nguyên liệu đầu vào bao gồm nhập giống bò sữa cho chăn nuôi và thu mua nguyên liệu sữa bột chưa qua chế biến phục vụ cho hoạt động chế biến.

Trong hoạt động chăn nuôi bò sữa, hiện nay kim ngạch nhập khẩu bò sữa gấp 3,5 lần kim ngạch xuất khẩu bò sữa (hình 2).

HÌNH 2. Kim ngạch xuất nhập khẩu bò sữa từ năm 2009 và dự báo tới năm 2020



Nguồn: Cục Chăn nuôi.

Do hoạt động chăn nuôi bò sữa kém phát triển nên Việt Nam phải nhập khẩu một lượng lớn nguồn nguyên liệu sữa bột cho hoạt động chế biến. Ước tính lượng nguyên liệu sữa bột nhập khẩu chiếm đến 70%¹ nhu cầu sữa bột. Như vậy, việc nhập khẩu bò sữa và nguồn nguyên liệu sữa bột cho thấy sự phụ thuộc khá lớn của Việt Nam vào nguồn nguyên liệu thế giới, gây ảnh hưởng tới sự phát triển ổn định của ngành sữa. Do đó, trong khâu nguyên liệu, ngành sữa luôn đi tìm giải pháp ổn định như tăng cường công tác chọn giống, phối giống, lai tạo đàn bò nhằm tăng số lượng và năng suất sữa.

Khâu 2: khâu sản xuất bao gồm các hoạt động chăn nuôi bò sữa, lấy sữa và bảo quản sữa. Đây là khâu kém nhất trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị vì hiện nay khâu này đang đối mặt với những khó khăn như sau:

Nguồn vốn đầu tư ban đầu lớn: ước tính một con bò sữa có giá khá cao khoảng 20-30 triệu đồng²/con. Bên cạnh đó, bò sữa vốn là giống bò cần sự chăm sóc đặc biệt, ngoài những điều kiện cơ bản như chuồng trại thoáng mát, hệ thống máy làm lạnh và vắt sữa được trang bị đầy đủ thì yêu cầu về thức ăn cũng vô cùng nghiêm ngặt. Những yếu tố này đòi hỏi một lượng vốn đầu tư khá lớn từ người chăn nuôi. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống chăn nuôi của Việt Nam có tới 95% hộ chăn nuôi theo quy mô nhỏ lẻ (chỉ từ 8 – 10 con)³. Do đó, người

1. <http://vnbusiness.vn>, *Cổ phiếu sữa tăng giá do nguyên liệu giảm?*, 28-07-2010.

2. Trương Minh Huy (2009), *Phân tích chuỗi giá trị ngành sữa*, Phòng nghiên cứu Công ty cổ phần Tài Việt, Hà Nội, tr.2.

3. <http://dantri.com.vn>: *Giúp người nuôi bò sữa, phải biết cách*, 30-06-2010.

chăn nuôi chưa có đủ điều kiện về vốn để đảm bảo đầu tư đầy đủ các thiết bị phục vụ cho chăn nuôi.

Bên cạnh đó, nguồn cung ứng thức ăn cho bò sữa hiện đang gặp nhiều khó khăn. Ước tính lượng cỏ xanh tự nhiên và cỏ trồng hiện nay mới đáp ứng khoảng 30%⁴ nhu cầu thức ăn thô xanh của đàn bò sữa. Việc mở rộng diện tích đồng cỏ cũng gặp phải những khó khăn lớn như những vùng tập trung chăn nuôi bò như các thành phố lớn, thị xã thì giá đất đai là trở ngại lớn nhất để người chăn nuôi dành đất để trồng cỏ nuôi bò, vùng còn quỹ đất thì chưa hội đủ điều kiện để phát triển đàn bò sữa. Có những vùng nuôi bò dựa chủ yếu vào nguồn cỏ ở bãi chăn thả chất lượng kém và không an toàn cho sức khỏe bò sữa do ảnh hưởng của chất hóa học sử dụng để diệt cỏ, diệt côn trùng các loại hoặc chất thải độc hại của các nhà máy

công nghiệp. Do không có đủ lượng thức ăn thô xanh nên người chăn nuôi phải tăng tỷ lệ thức ăn tinh gây ảnh hưởng tới chất lượng sữa.

Không chỉ có vậy, ngành chăn nuôi bò sữa cũng đang “vấp” phải là sự thiếu chuyên môn của người chăn nuôi bò sữa. Người nông dân nhận thấy việc chăn nuôi bò sữa đem lại hiệu quả kinh tế do đó họ nhanh chóng quyết định đầu tư mà quên mất việc chuẩn bị cho mình những kiến thức chăn nuôi. Bên cạnh đó, sự hỗ trợ từ phía các cơ quan chức năng của địa phương là không nhiều nên dẫn đến hiệu quả chăn nuôi bò sữa hiện nay chưa cao.

Do ngành chăn nuôi kém hiệu quả nên hiện nay ngành sữa mới chỉ đáp ứng được 25% nhu cầu tiêu thụ sữa tươi của thị trường. Dưới đây là bảng so sánh sản lượng và mức tiêu thụ sữa tươi trong vài năm gần đây:

BẢNG1: Sản lượng sữa tươi, mức tiêu thụ sữa tươi và % đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa

	Sản lượng sữa (nghìn tấn/năm)	Mức tiêu thụ (nghìn tấn/năm)	Tỷ lệ sữa tươi sản xuất trong nước so với nhu cầu (%)
2005	197,679	1004	19,67
2006	215,953	1056	20,45
2007	234,438	1239	18,77
2008	262,160	1257	20,07
2009	278,190		
2010	306	1224	25

Nguồn: Đỗ Kim Tuyên (2010), Tình hình phát triển chăn nuôi bò sữa ở Việt Nam 2001-2009 và dự báo 2010-2020, Cục Chăn nuôi.

Như vậy, tuy khả năng đáp ứng nhu cầu có tăng lên qua các năm nhưng mức đáp ứng nhu cầu thị trường hiện nay vẫn chưa cao. Điều này cho thấy ngành sữa còn rất nhiều tiềm năng để phát triển.

Khâu 3: là khâu chế biến. Trong khâu này, các nhà máy chế biến sẽ tiến hành các hoạt động như thu mua sữa, chế biến

sữa và cuối cùng là đóng gói. Hiện nay có 3 thành phần chủ yếu tham gia vào hoạt động thu mua sữa, bao gồm các công ty thu mua thông qua đại lý trung chuyển của mình, các hợp tác xã (chỉ ở những nơi

4. Trương Minh Huy (đã dẫn), tr 5.

tập trung nhiều hộ chăn nuôi mới hình thành nên các hợp tác xã, sữa tươi sẽ được tập kết tại hợp tác xã rồi mới đem tới nhà máy), và hệ thống thu mua thông qua tư nhân. Trong đó hình thức thu mua qua tư nhân là hình thức phổ biến nhất hiện nay bởi lẽ có đến 95% hộ chăn nuôi theo quy mô nhỏ lẻ, phân tán. Tuy nhiên, hệ thống thu gom sữa bò trong nước còn manh mún tự phát, yếu kém về công nghệ bảo quản nên chất lượng sữa đã giảm đi đáng kể trước khi đem bán cho nhà máy. Đồng thời vì phải qua nhiều trung gian nên giá sữa đã bị “đội” lên cao, mặc dù giá bán của người chăn nuôi rất thấp. Đây là những nguyên nhân khiến các nhà máy chưa coi trọng việc sử dụng sữa tươi trong nước, mà theo hướng nhập nguyên liệu sữa bột từ nước ngoài. Việt Nam có 2 công ty thu mua và chế biến sữa chủ yếu là Vinamilk trên 60% và Dutchlady khoảng 25% lượng sữa sản xuất trong nước⁵. Điều này đã dẫn tới hiện tượng độc quyền giá sữa thu mua. Vào thời điểm tháng 1-2011 mức giá sữa cao nhất khi mua vào của

nhà máy chế biến chỉ ở mức 11.500đ/kg, thế nhưng sau khi tiết trùng mức giá đã tăng lên gần 2.5 lần⁶. Phương thức thu mua sữa giữa các công ty với người chăn nuôi chưa thật bình đẳng và rõ ràng, khiến người chăn nuôi luôn có cảm giác phần thiệt thuộc về mình. Tiêu chuẩn chất lượng sữa mua vào do các nhà máy đưa ra không cao nhưng vẫn có từ 20-50% số sữa không đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng (theo thống kê của Vinamilk 6 tháng đầu năm 2008). Người chăn nuôi hoài nghi kết quả đánh giá sữa của nhà máy vì quá trình kiểm tra chất lượng không có sự chứng kiến của họ. Thật ra đây là “mâu thuẫn tiềm tàng” giữa bên mua và bên bán. Vì vậy cần cải thiện và nâng cao sự hiểu biết, đồng thuận với nhau giữa người chăn nuôi và nhà máy chế biến nhằm tăng lợi ích cả hai bên.

Một điểm đáng chú ý nữa trong khâu chế biến là mức tỷ suất lợi nhuận của người chế biến nhận được là khá cao, được đánh giá là mức cao nhất trong toàn chuỗi giá trị.

BẢNG 2: Lợi nhuận của nhà máy chế biến thay đổi tùy theo loại sản phẩm

	% chi phí	% giá bán lẻ
Sữa đặc	17	12
Sữa lỏng	48	28
Sữa chua	54	30
Sữa bột giá thấp	22	15
Sữa bột giá trung bình	86	40

Nguồn: Jaccar Việt Nam.

Các sản phẩm sữa bột giá trung bình có mức sinh lời cao nhất trong nhóm các sản phẩm từ sữa. Để giải thích điều này, tác giả đưa ra một vài lý do như sau:

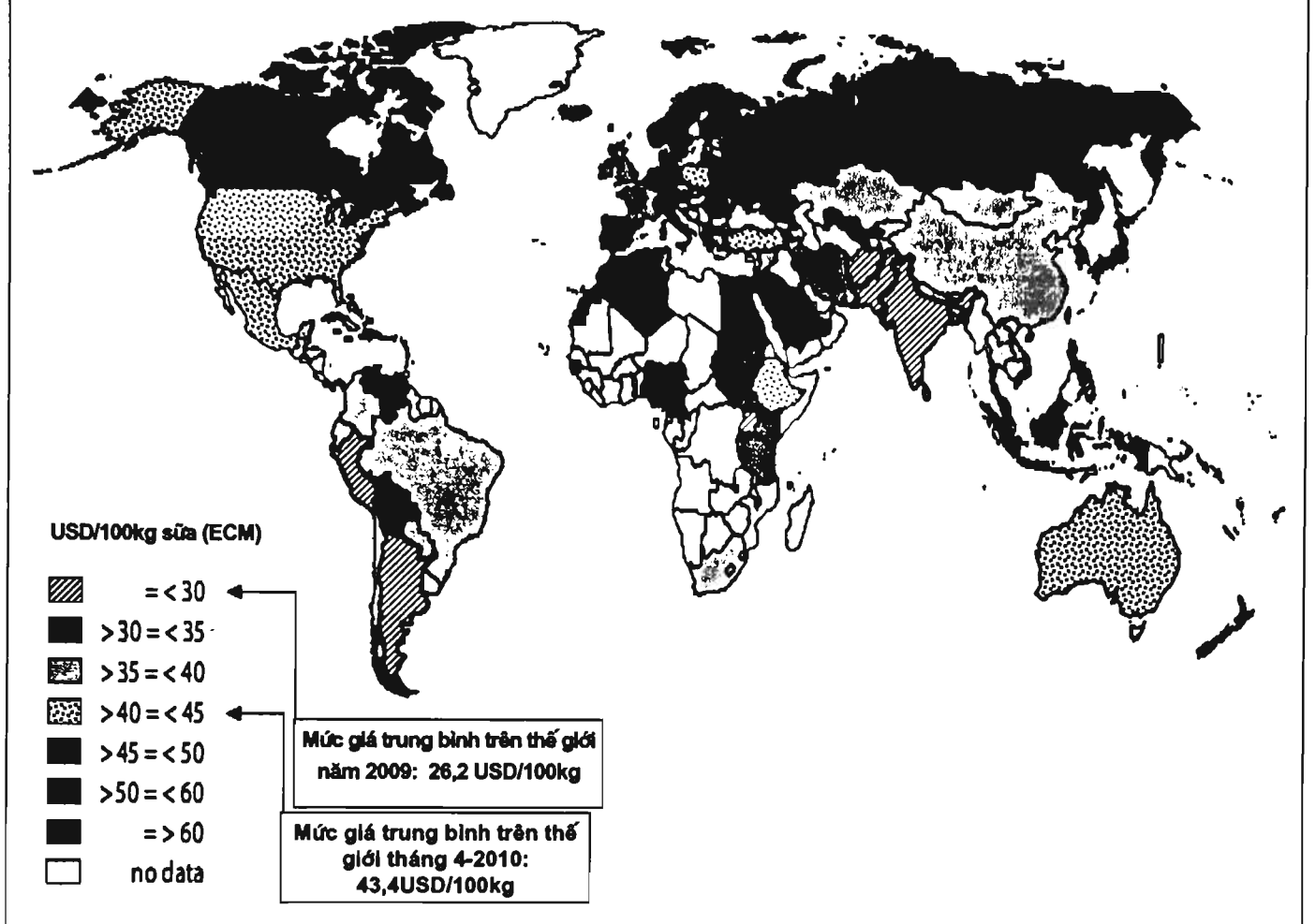
Hiện nay có rất ít nhà máy chế biến sữa, do đó dễ dẫn tới hiện tượng độc quyền giá sữa. Theo các số liệu thống kê thì mức giá sữa của Việt Nam hiện nay

cao hơn hẳn so với mức giá của các nước trong cùng khu vực.

5. Đinh Văn Cải (2009), “Thị trường sữa ở Việt Nam và những vấn đề liên quan đến phát triển chăn nuôi bò sữa”, *Tạp chí chăn nuôi*, (8), tr.11.

6. <http://www.thesaigontimes.vn>: *Thị trường sữa năm 2010, một năm đầy biến động*, ngày 4-1-2011.

HÌNH 3: Giá sữa các nước trên thế giới năm 2008 (đơn vị USD)



Nguồn: IFCN, world dairy map 2011

ECM:viết tắt của cụm từ Energy Corrected Milk, là loại sữa quy chuẩn với thành phần 4% béo, 3,3% protein.

Người tiêu dùng thường có tâm lý trả giá cao cho loại sữa có các thành phần chất dinh dưỡng như DHA, canxi.... Nhưng thực tế, các thành phẩm trên chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong 1kg sữa và giá thành cũng không quá cao. Ví dụ, DHA – một thành phần đắt đỏ có trong sữa nhưng cũng chỉ có tỷ lệ khoảng 0,2% đến 0,5% trong 1kg sữa. Với mức giá khoảng 80USD/kg, chi phí DHA trong mỗi kg sữa chỉ vào khoảng 5.000 – 7.000 đồng⁷. Do đó, chi phí cho các thành phần chất dinh

dưỡng trong 1kg sữa khá nhỏ so với tổng chi phí sản xuất sữa. Với mức giá bán sữa ở Việt Nam cao hơn hẳn so với các nước trong khu vực đã tạo ra được nguồn lợi nhuận lớn cho nhà sản xuất. Theo số liệu điều tra của quỹ đầu tư Jaccar, mức lợi nhuận của nhà sản xuất thu được từ loại sữa bột giá trung bình lên tới 86% so với chi phí sản xuất.

7. Trương Minh Huy đã dẫn, tr.11.

BẢNG 3: Giá một số thành phẩm chính trong sữa

Thành phần	Đơn giá	Thành tiền/kg
Giá một số loại sữa nguyên liệu nhập khẩu		
Sữa bột nguyên kem	3.400 USD/tấn	61.200
Sữa bột gầy	3.000 USD/tấn	54.000
Sữa bột béo có độ đậm cao	5.000 USD/tấn	90.000
Giá một số thành phẩm khác		
DHA	80 USD/kg	1.440.000
Calcium	7 USD/kg	126.000
Vitamin tổng hợp	10 USD/kg	180.000

Nguồn: Trương Minh Huy (2009), Phân tích chuỗi giá trị ngành sữa, Phòng nghiên cứu - Công ty cổ phần Tài Việt, Hà Nội, tr.12.

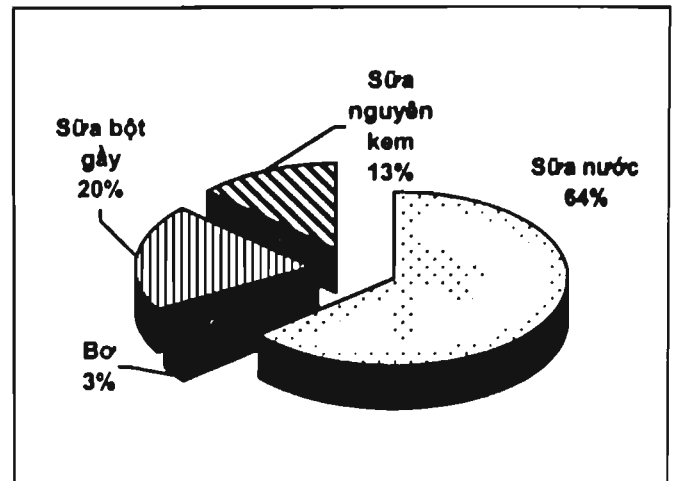
Như vậy sau khi qua khâu chế biến, các sản phẩm sữa được định mức giá cao hơn hẳn so với mức giá thu mua ban đầu. Do đó đây cũng được coi là khâu đem lại mức giá trị tăng thêm cho sữa nhiều nhất.

Khâu 4: hiện nay kênh phân phối sữa vẫn theo hai kênh chính là kênh truyền thống (nhà phân phối đại lý bán buôn người bán lẻ người tiêu dùng) và kênh hiện đại (nhà phân phối siêu thị người tiêu dùng). Theo cuộc khảo sát của quỹ đầu tư Jaccar thì mức lợi nhuận của nhà phân phối thu được so với giá bán lẻ là 13.4% giá bán lẻ.

Khâu 5: đây là khâu liên quan tới hoạt động tiêu thụ. Trong những năm gần đây, mức tiêu thụ sữa của thị trường Việt Nam gia tăng đáng kể. Chỉ tính riêng 10% dân số cả nước tại hai thành phố lớn là TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội đã tiêu thụ hết 78% các sản phẩm sữa. Trong năm 2010 mức tiêu thụ sữa trung bình đạt 14lít/người/năm, tuy còn thấp so với mức trung bình của các nước cùng khu vực (như Thái Lan 23 lít/người/năm hay Trung Quốc 25 lít/người/năm)⁸ nhưng mức này đã tăng lên rất nhiều so với mức tiêu thụ của những năm trước. Hiện nay, phân khúc sữa nước vẫn chiếm thị phần lớn nhất trong nhu cầu tiêu dùng ở Việt Nam. Điều này có

thể giải thích bởi giá trị dinh dưỡng của sữa tươi khá cao, hơn nữa việc sử dụng lại khá dễ dàng so với các loại sữa khác. Tuy nhiên, do nhu cầu sử dụng quá cao mà nguồn cung ứng lại hạn chế nên các nhà sản xuất chủ yếu nhập sữa bột từ nước ngoài rồi đem pha chế thành sữa tươi. Điều này ảnh hưởng rất nhiều đến lợi ích người tiêu dùng.

HÌNH 4: Loại hình sản phẩm sữa được tiêu dùng trong năm 2010



Nguồn: FAPRI - World Dairy Products: FAPRI 2010 Agricultural Outlook.

Như vậy, qua việc phân tích về chuỗi giá trị ngành sữa, chúng ta có thể thấy một vài điểm nổi bật như sau:

Một là, hiện nay, khâu sản xuất mà cụ thể là hoạt động chăn nuôi bò sữa đang là khâu kém nhất trong chuỗi giá trị.

Hai là, giá trị của sản phẩm sữa sẽ tăng lên nhiều nhất sau khi qua khâu chế biến.

Ba là, mối liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị chưa chặt chẽ, đặc biệt là giữa người chăn nuôi và nhà máy chế biến. Điều này gây ảnh hưởng tới lợi ích của các bên tham gia và cũng gây ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững trong ngành sữa.

2. Giải pháp

Từ những phân tích ở trên, hai nhóm giải pháp liên quan đến khâu sản xuất và khâu chế biến có thể đưa ra nhằm giúp ngành sữa phát triển bền vững hơn.

8. Habubank Securities (2009), Báo cáo ngành sữa, Habubank, Hà Nội, tr.2.

2.1. Nhóm giải pháp về sản xuất

- Khuyến khích sự hỗ trợ từ địa phương: Hiện nay nguồn cung ứng bò sữa vẫn phụ thuộc chủ yếu vào nhập khẩu từ nước ngoài. Do đó, để ngành chăn nuôi bò sữa phát triển bền vững, các địa phương nên mở rộng công tác chọn giống, phối giống để tăng chất lượng bò giống và giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung ứng bên ngoài. Ngoài ra, các địa phương cần mở thêm nhiều lớp tập huấn chăn nuôi bò sữa, nâng cao kiến thức chăn nuôi của người nông dân, qua đó cải thiện chất lượng sữa tươi.

- Các cơ quan chức năng cần khuyến khích các địa phương tổ chức chăn nuôi theo quy mô lớn. Việc chăn nuôi tập trung đem lại cho người chăn nuôi nhiều lợi ích hơn như tận dụng được lợi thế kinh tế nhờ quy mô, giảm chi phí chăn nuôi trên từng đơn vị,... nhờ đó, tăng năng suất sữa cũng như tăng lợi nhuận chăn nuôi bò sữa.

Việc cung ứng nguồn thức ăn ổn định cũng sẽ đem lại nhiều lợi ích to lớn cho ngành chăn nuôi bò sữa. Đối với nguồn thức ăn thô xanh cần có những giải pháp nhằm phát triển hệ thống đồng cỏ cho chăn nuôi, hoặc dự trữ nguồn thức ăn trong những mùa khô hanh. Đối với nguồn thức ăn tinh cần có sự can thiệp của cơ quan chức năng nhằm ổn định thị trường, hạn chế hiện tượng độc quyền giá và thường xuyên tiến hành kiểm tra chống việc lợi dụng thị trường gây biến động giá.

2.2. Nhóm giải pháp về chế biến

Quy hoạch mạng lưới thu mua sữa, loại bỏ những điểm thu mua kém chất lượng nhằm nâng cao sữa tươi trước khi giao cho nhà máy.

Đưa ra các tiêu chuẩn thống nhất về kiểm định sữa nhằm giảm mâu thuẫn giữa người chăn nuôi và nhà máy chế biến.

Hỗ trợ nguồn tài chính, khuyến khích các nhà máy chế biến cải tiến công nghệ nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm. Ngoài ra, để ngành công nghiệp chế biến sữa phát triển tốt hơn, các cơ quan chức năng cần có chính sách phát ngành công nghiệp phụ trợ chế biến sữa như sản xuất bao bì, chất hỗ trợ chế biến,...

Có thể nói, việc phát triển ngành sữa Việt Nam không chỉ giúp các doanh nghiệp trong ngành tăng khả năng cạnh tranh với các mặt hàng ngoại nhập mà còn giúp người dân có thể tiêu dùng mặt hàng này với giá hợp lý hơn. Và muốn phát triển bền vững ngành sữa Việt Nam với giá trị gia tăng cao và hiệu quả, các doanh nghiệp trong ngành cần phải chú trọng tới việc rà soát các khâu trong chuỗi giá trị để loại bỏ những công đoạn thừa và bổ sung những công đoạn thiếu để có thể đạt được giá trị gia tăng cao hơn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Brendde Leeuw (2009), “Chăn nuôi bò sữa tại Việt Nam: một ngành kinh doanh có lãi?”, *Tạp chí Milk matters* (4), tr.26-30.
2. Donelan. J.G and E.A Kaplan (1998), Value Chain Analysis: A Strategic Approach To Cost Mangament, *Journal of Cost Management* (March/April), tr. 7-15.
3. Đinh Văn Cải (2009), “Thị trường sữa ở Việt Nam và những vấn đề liên quan đến phát triển chăn nuôi bò sữa”, *Tạp chí Chăn nuôi*.
4. Đỗ Kim Tuyên (2010), *Tình hình phát triển chăn nuôi bò sữa ở Việt Nam 2001-2009 và dự báo 2010-2020*, Cục Chăn nuôi.
5. FAPRI *World Dairy Products: FAPRI 2010 Agricultural Outlook*.
6. Habubank Securities (2009), *Báo cáo ngành sữa*, Habubank, Hà Nội.
7. Michael van den Berg, Marije Boomsma, Ivan Cucco, Luigi Cuna, Nico Janssen, Paule Moustier, Laura Prota, Tim Purcell, Dominic Smith, Siebe Van Wijk, *Làm cho chuỗi giá trị hoạt động tốt hơn vì người nghèo*, M4P (Making Markets Work Better for the Poor).
8. Nguyễn Việt Khôi, “Chính sách tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của Trung Quốc và hàm ý chính sách đối với Việt Nam”, *Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, tháng 2-2009, tr.48-53.
9. Nguyễn Việt Khôi, “Cơ hội thu tóm chuỗi giá trị toàn cầu thông qua hoạt động mua bán và sáp nhập công ty”, *Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, tháng 4-2011, tr. 20-26.
10. Stanley Karuga (2009), *Dairy value chain analysis Timau milk shed*, Market economies development ltd, Kenya.
11. Trương Minh Huy (2009), *Phân tích chuỗi giá trị ngành sữa*, Phòng nghiên cứu - Công ty cổ phần Tài Việt, Hà Nội.
12. Tổng Xuân Chinh (2010), *Tổng quan ngành sữa thế giới năm 2009*, Cục Chăn nuôi.